TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 162*/2022/HN - ST*
Ngày: *20 - 12 - 2022*
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Kim Phượng

2. Ông Võ Thế Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Tuyết Em- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2022/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXXST - HN ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị S, sinh năm 1986 (có mặt)

Trú tại: Tổ 6, ấp CL, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Trú tại: Số 183B/13 ấp PN, xã LP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2022 và tại phiên tòa – nguyên đơn chị Thị Sinh trình bày:

Năm 2008 chị S kết hôn với anh Trần Văn N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Sau khi cưới chị và N sống bên gia đình chị. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do chị phát hiện anh N không chung thủy, sau đó anh N tự bỏ đi ra ngoài sống cho đến nay, chị có kêu anh N về đoàn tụ nhưng anh N không về, từ đó chị và anh N không liên lạc gì với nhau, vợ

chồng không còn sống chung đã 05 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không còn tình nghĩa, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Quang P, sinh ngày 10/3/2009 và Trần Trọng Q, sinh ngày 02/6/2013, hiện đang sống với chị S, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Trần Văn N không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật TTDS. Bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật TTDS

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Thị Sinh được ly hôn với anh Trần Văn N

- Về con chung: giao 02 con là Trần Quang P, sinh ngày 10/3/2009 và Trần Trọng Q, sinh ngày 02/6/2013 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Án phí: Buộc Thị Sinh phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn, nuôi con", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn N được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/12/2009 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh N đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị S và anh N không còn gắn bó, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không sống chung từ năm 2017 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị S là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Xét thấy cháu Trần Quang P, sinh ngày 10/3/2009 và Trần Trọng Q, sinh ngày 02/6/2013 hiện do chị S đang nuôi dưỡng với lại cháu P và cháu Q cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị S, anh N cũng không có ý kiến gì. Để đảm bảo sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần, đồng thời để đảm bảo quyền lợi của trẻ em sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Quang P và Trần Trọng Q cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị S phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[8] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị S được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quang P, sinh ngày 10/3/2009 và Trần Trọng Q, sinh ngày 02/6/2013 cho chị Thị S tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Thị S nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị S đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004347 ngày 10/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Thị Sinh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú